| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2019
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cúc
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn– Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Huyền Tr; Sinh năm: 1997
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
*2.Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt không có lý do

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2018 và tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2018 chị Vũ Thị Huyền Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Q, huyện Tr, tỉnh Y. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn chị và anh T chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống một nhà thì vợ chồng hay sảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, đánh đập lẫn nhau. Thời gian kéo dài khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Đến tháng 9 năm 2018 thì chị đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 02/11/2016, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2018 anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Huyền Tr kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2015 tại UBND xã Q, huyện Tr, tỉnh Y. Sau ngày cưới, vợ chồng cùng chung sống tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, đôi lúc vợ chồng có bất đồng quan điểm và sảy ra cãi cọ. Anh T cho rằng đây chỉ là mâu thuẫn bình thường mà gia đình nào cũng gặp phải. Đến tháng 9 năm 2018, chị Tr đi làm và đã đưa con về bên ngoại không về nhà anh nữa. Đã nhiều lần anh gọi điện cho chị Tr quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Tr không về. Nay chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 02/11/2016. Do anh không đồng ý ly hôn với chị Tr nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con cái.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tr được ly hôn anh T. Về con cái, giao cháu Bùi Thị Kim N cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền Tr và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2015 tại UBND xã Q, huyện Tr, tỉnh Y và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát. Chính vì vậy mà chị Tr đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2018 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được và UBND xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị Huyền Tr được ly hôn anh Bùi Văn T.

[6]. Về con cái: Chị Vũ Thị Huyền Tr và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 02/11/2016. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do anh T không đồng ý ly hôn với chị Tr nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con cái. Xét thấy cháu N là con gái, chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi vợ chồng ly thân thì cháu luôn ở với chị Tr. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cháu N cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr.

[7]. Về tài sản: Chị Tr và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Huyền Tr được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con cái: Giao cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003502 ngày 14/12/2018. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Vũ Thị Huyền Tr và anh Bùi Văn T. Chị Tr và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Cúc**